

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2026/DS-PT

Ngày 28-01-2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1497/2025/DS-PT ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7692/2025/QĐ-PT ngày 22/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 362/2026/QĐ-PT ngày 09/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh P, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là ấp C, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố Đ, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Á, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ A, ấp S, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là ấp S, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Ông Đinh Văn N, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là ấp C, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Đinh Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Chí H trình bày:

Ngày 07/05/2023, bà Huỳnh Thị Thanh P có cho vợ chồng ông Đinh Văn N và bà Phạm Thị Ngọc Á vay số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Hai bên có lập giấy vay tiền đề ngày 07/5/2023 với nội dung thỏa thuận là khi nào bà P cần tiền thì báo cho vợ chồng bà Á trước 01 tháng, trong giấy vay không thỏa thuận về lãi suất vay. Tại mục người vay có chữ ký, chữ viết của bà Phạm Thị Ngọc Á và ông Đinh Văn N.

Ngày 11/6/2024, bà Á có viết giấy cam kết trả nợ vay tiền, theo đó vợ chồng bà Á cam kết đến hết tháng 3/2025 âm lịch (tức ngày 03/4/2025) sẽ hoàn trả cho bà P số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Tuy nhiên, cho đến nay vợ chồng bà Á vẫn không trả tiền cho bà P dù bà P nhiều lần yêu cầu.

Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Văn N và bà Phạm Thị Ngọc Á liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà P số tiền đã vay là 400.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi theo quy định.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi, ông H yêu cầu bà Á và ông N trả cho bà P tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 04/4/2025 đến ngày 11/9/2025 làm tròn 05 tháng x 0,83%/tháng với số tiền 16.600.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Ngọc Á trình bày:

Bà Á có quen biết với bà Huỳnh Thị Thanh P và bà Á, ông N có ký giấy vay tiền của bà P số tiền 400.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 07/5/2023. Đối với yêu cầu của bà P thì bà Á đồng ý trả số tiền 400.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi do bà Á đã trả đến tháng 6/2025 nhưng không cung cấp được chứng cứ đã trả lãi cho nguyên đơn.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Đinh Văn N trình bày:

Ông Đinh Văn N và bà Phạm Thị Ngọc Á là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 121/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Ngày 07/5/2023, bà Huỳnh Thị Thanh P và bà Phạm Thị Ngọc Á có nhờ ông N ký tên làm chứng trên Giấy vay tiền đề ngày 07/5/2023 giữa bà Huỳnh Thị Thanh P và bà Phạm Thị Ngọc Á. Do đó, với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc ông N liên đới cùng chịu trách nhiệm với bà Á phải trả số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi thì ông N không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 185, 227, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2025; các Điều 149, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh P đối với bị đơn bà Phạm Thị Ngọc Á và ông Đinh Văn N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc các bị đơn bà Phạm Thị Ngọc Á và ông Đinh Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh P tiền nợ gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi 16.600.000 đồng, tổng số tiền 416.600.000 đồng (bốn trăm mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị Ngọc Á và ông Đinh Văn N có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 20.664.000 đồng (hai mươi triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 26/9/2025 bị đơn ông N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông N – ông N không phải có nghĩa vụ cũng như không có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền 416.600.000 đồng, trong đó: nợ gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi 16.600.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, 26/9/2025 bị đơn ông N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, việc kháng cáo vẫn trong thời hạn quy định, đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Chí H, bị đơn bà Phạm Thị Ngọc Á và ông Đinh Văn N thống nhất thỏa thuận:

Bà Phạm Thị Ngọc Á và ông Đinh Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Thanh P số tiền 416.600.000 đồng (bốn trăm mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó: tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), tiền lãi 16.600.000 đồng (tiền lãi mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), cụ thể:

Bà Phạm Thị Ngọc Á có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Thanh P số tiền 208.300.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Ông Đinh Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Thanh P số tiền 208.300.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Xét, thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận nêu trên.

Từ những phân tích trên, cần sửa một phần bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật, riêng bà P được miễn án phí theo quy định.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148; Điều 300 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đinh Văn N.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Huỳnh Thị Thanh P, bà Phạm Thị Ngọc Á và ông Đinh Văn N.

Bà Phạm Thị Ngọc Á và ông Đinh Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Thanh P tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), tiền lãi 16.600.000 đồng (tiền lãi mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), tổng cộng 416.600.000 đồng (bốn trăm mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó:

Bà Phạm Thị Ngọc Á có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Thanh P số tiền 208.300.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Ông Đinh Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Thanh P số tiền 208.300.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Ngọc Á và ông Đinh Văn N mỗi người phải chịu số tiền 10.415.000 đồng (mười triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Trả cho ông Đinh Văn N 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0025418 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- TAND khu vực 19 - TPHCM;
- Phòng THADS khu vực 19 - TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự (10).(80).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Thị Duyên Hằng